

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Kết quả của 2^5 là:

- A. 10
B. 16
C. 32
D. 64

Câu 2. Trong các số 203; 581; 3174; 1003. Số chia hết cho 3 là:

- A. 203
B. 581
C. 1003
D. 3174

Câu 3. Số đối của $-(-123)$ là:

- A. 123
B. -123
C. 132
D. $-(-123)$

Câu 4. Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 4 là:

- A. $U(4) = \{1; 2; 4\}$
B. $U(4) = \{-4; -2; -1; 1; 2; 4\}$
C. $U(4) = \{-1; -2; -4\}$
D. $U(4) = \{-4; -2; -1; 0; 1; 2; 4\}$

Câu 5. Biển báo nào sau đây là hình vuông.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 3
B. Hình 1

- C. Hình 4
D. Hình 2

Câu 6. Trong hình chữ nhật thì:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Hai đường chéo không bằng nhau.
C. Hai đường chéo song song với nhau.
D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 7. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	8	8	9	5	6	3

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 8 trở lên) là:

A. 11

C. 14

B. 6

D. 9

Câu 8. Cửa hàng bán kem thu thập thông tin số ly kem bán được trong một ngày bằng bảng dữ liệu sau:

Loại kem	Vani	Socola	Dừa	Dâu	Sầu riêng	Đậu đỏ	Cà phê
Số kem bán được	5	13	43	1,6	9	-7	0

Các thông tin không hợp lí trong bảng dữ liệu trên là:

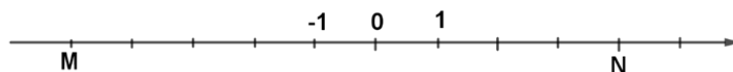
A. 1,6; -7

C. 1,6

B. -7

D. 0

Câu 9. Trên hình vẽ, điểm M, N biểu diễn các số nguyên



A. -5; 4

C. 5; -4

B. 5; 4.

D. -5; -4

Câu 10. Thực hiện phép tính $(-59).36+64.(-59)$

A. -100

C. 5900

B. -5900

D. -159.

Câu 11. Dữ liệu số máy cày của 5 xã được cho ở bảng sau đây: Em hãy cho biết xã nào có nhiều máy cày nhất ?

A. Xã C

B. Xã B

C. Xã A

D. Xã D

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

Câu 12. Bạn An đi nhà sách mua 5 cây bút bi cùng loại và 8 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 12 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân 150 000 đồng và được chị trả lại 24 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 cây bút mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

A. 4000đ

C. 5000đ

B. 3000đ

D. 6000đ

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 22; – 9; 39; – 13
- Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 15

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- $5^{34} : 5^{32} + 3^2 \cdot 8 - 2023^0$
- $140 : \{ -123 + [-9 + (-32) \cdot (-5)] \} + 2^3 \cdot 8$

Câu 3. (1,75 điểm):

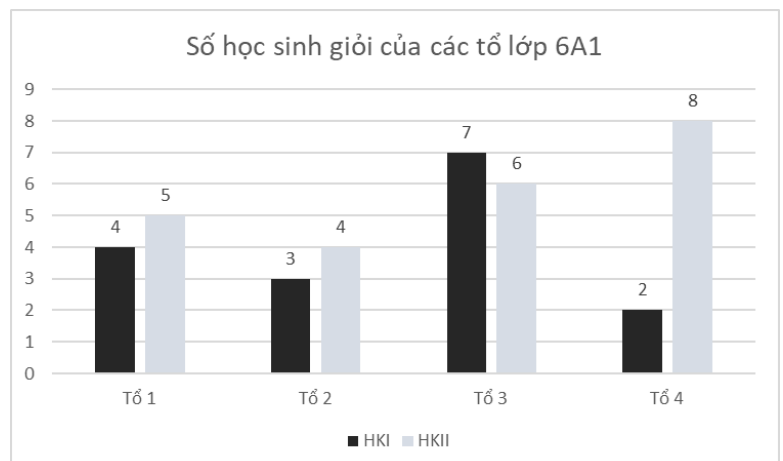
- Tìm x biết $x - 10 = 4 \cdot (-5)$.
- Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6,7 đăng ký tham gia tiết học “trải nghiệm sáng tạo” tại Thảo cầm viên. Trong ngày đi, nhà trường sắp xếp 30 em hay 36 em hay 45 em lên một xe thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6, 7 của trường đăng ký tham gia tiết học biết rằng số học sinh này khoảng 300 đến 400 học sinh.

Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn dùng để trồng hoa hồng có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 15 m và 6 m.

- Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó.
- Cho biết cứ $3m^2$ đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1. Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- Trong học kỳ 1, tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất?
- Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2?



ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN TOÁN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	D	B	B	C	D	C	A	A	B	C	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố. **0.5**
 3; 5; 7 0.5
- b. Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 22; – 9; 39; – 13 **0.5**
 – 13; – 9; 22; 39 0.5
- c. Viết tập hợp A gồm các ước tự nhiên của 15 **0.5**
 $U(15) = \{1; 3; 5; 15\}$ 0.5

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

- a. $5^{34} : 5^{32} + 3^2 \cdot 8 - 2023^0$ **0.75**
 $= 5^2 + 9 \cdot 8 - 1$ 0.25
 $= 25 + 72 - 1$ 0.25
 $= 96$ 0.25
- b. $140 : \{-123 + [-9 + (-32) \cdot (-5)]\} + 2^3 \cdot 8$ **0.75**
 $= 140 : \{(-123) + [-9 + 160]\} + 8 \cdot 8$ 0.25
 $= 140 : \{(-123) + 151\} + 64$ 0.25
 $= 140 : 28 + 64$
 $= 5 + 64 = 69$ 0.25

Câu 3. (1,75 điểm):

- a) Tìm x biết $x - 10 = 4 \cdot (-5)$ **0.75**
 $x - 10 = -20$ 0.25
 $x = -20 + 10$ 0.25
 $x = -10$ 0.25

- b) Một trường THCS tổ chức cho học sinh khối 6, 7 đăng ký tham gia tiết học “trải nghiệm sáng tạo” tại Thảo cầm viên. Trong ngày đi, nhà trường sắp xếp 30 em hay 36 em hay 45 em lên một xe thì đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh khối 6, 7 của trường đăng ký tham gia tiết học biết rằng số học sinh này khoảng 300 đến 400 học sinh. **1**

Gọi x số học sinh khối 6, 7 của trường đăng ký tham gia tiết học.

$$x : 30$$

$$x : 36$$

$$x : 45$$

$$\text{Nên } x \in \text{BC } (30; 36; 45)$$

0.25

$$\text{BCNN } (30; 36; 45) = 180$$

0.25

$$\text{BC } (30; 36; 45) = \text{B}(180) = \{0; 180; 360; 540; \dots\}$$

0.25

Do số học sinh có khoảng từ 300 đến 400 nên $x = 360$

Vậy có 360 học sinh khối 6, 7 của trường đăng ký tham gia tiết học.

0.25

Câu 4. (1,25 điểm) Một mảnh vườn dùng để trồng hoa hồng có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 15 m và 6 m.

a. Em hãy tính chu vi mảnh vườn đó.

0.5

$$\text{Chu vi mảnh vườn: } (15 + 6) \cdot 2 = 42(\text{m})$$

0.5

b. Cho biết cứ 3m^2 đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

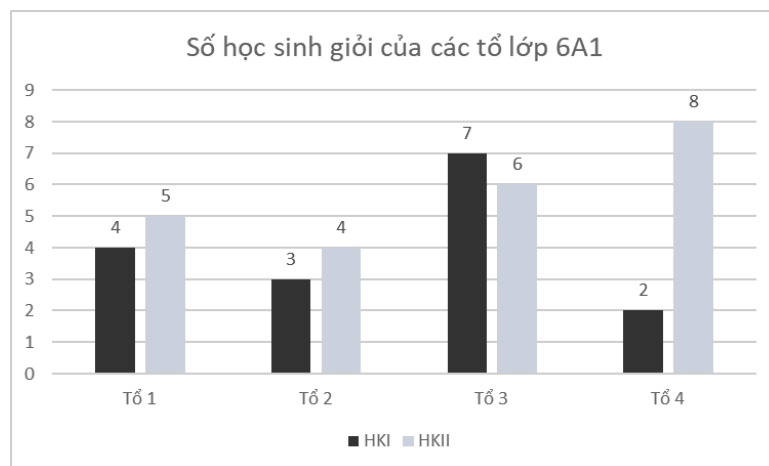
0.75

$$\text{Diện tích mảnh vườn: } (15 \cdot 6) = 90(\text{m}^2)$$

0.5

$$\text{Số túi hạt giống cần: } 90 : 3 = 30 (\text{túi})$$

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1. Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :



a) Trong học kì 1, tổ nào có số học sinh giỏi nhiều nhất?

0.5

Tổ 3

0.5

b) Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2?

0.5

$$\text{Số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2: } 5 + 4 + 6 + 8 = 23 (\text{hs})$$

0.5

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25		1 (TN12) 0,25						32,5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25	3 (TL1, 2, 3) 1,5						1 (TL7) 1	
2	Số nguyên (15 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25		1 (TN9) 0,25						32,5
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25		1 (TN10) 0,25	1 (TL6) 0,75		2 (TL4, 5) 1,5			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25								17,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25			1 (TL8) 0,75		1 (TL9) 0,5			
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5								17,5
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL10) 0,5	1 (TN11) 0,25	1 (TL11) 0,5					
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	4 2,0	4 1	3 2		3 2		1 1,0	10 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu1. (1,5 điểm)

- Liệt kê ba số lẻ liên tiếp là số nguyên tố hay liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 13.
- Sắp xếp các số nguyên theo thứ tự giảm dần hay tăng dần. VD: 12; -4; 9; -11
- Viết tập hợp A các ước tự nhiên của một số.

Câu 2. (1,5 điểm). Tính giá trị của biểu thức (có 2 bài). VD:

- $\{100: [45 - 45: (-9)] - 32\}. 5 - 2. 5^2$

b. $2^{29} : 2^{26} + 3 \cdot 5^2 - 2022^0$

Câu 3. (1,75 điểm)

c. Tìm x biết VD: $3 \cdot x + 14 = -16$; $x - 28 = 8 \cdot (-5)$.

d. Bài toán về BC.VD:

- 1) Số học sinh của lớp 6A khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, đều vừa đủ. Tính số học sinh của lớp 6A biết rằng số học sinh trong khoảng 30 đến 40 em.
- 2) Ba con tàu cập bến theo các cách như sau: Tàu thứ nhất cứ 15 ngày cập bến một lần, tàu thứ 2 cứ 20 ngày cập bến một lần, tàu thứ 3 cứ 12 ngày cập bến một lần. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày cả ba tàu lại cập bến cùng nhau.

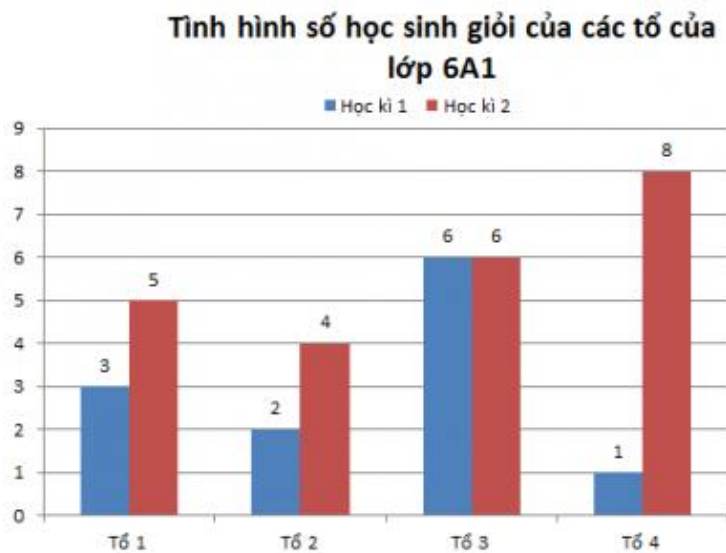
Câu 4. (1,25 điểm) Bài toán thực tiễn về hình học trực quan các hình phẳng.

VD: Một mảnh vườn dùng để trồng rau có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 12m và 5m.

c. Em hãy tính chu vi, diện tích mảnh vườn đó.

d. Cho biết cứ $4m^2$ đất rải đủ hết 1 túi hạt giống. Hỏi nếu rải hạt giống cả mảnh vườn này thì cần bao nhiêu túi hạt giống?

Câu 5: (1,0 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn số học sinh giỏi của lớp 6A1.



Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết :

- c. Trong tổ 2, Số học sinh giỏi của học kì nào nhiều hơn?
- d. Tính tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ 2

Hãy có thể cho bài dạng như sau:

Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại như sau:

5	7	6	7	8	8	8	10	7	8
6	8	5	4	4	5	6	5	8	7

- a. Hãy lập bảng thống kê tương ứng.
- b. Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.